

Bản án số: 02/2020/DS –ST.

Ngày: 17/01/2020.

Về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Chí Công; 2. Bà: Quan Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/TLST-DS, ngày 09/8/2019, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 775/QĐST-DS, ngày 19 tháng 12 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, địa chỉ: 35, Hàng V, quận K, Hà Nội.

Đại diện hợp pháp: ông Từ Ngọc T - Sn: 1980; Chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng cá nhân. Địa chỉ: 74, đường H, phường 2, TP S, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Hà Văn G, sinh năm 1973; địa chỉ: 292/TTB, ấp B, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hà Thị P, sinh năm 1960, địa chỉ: 292/TTB, ấp B, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hà Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ : 292/TTB, ấp B, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Hoàng C, sinh năm 1961; địa chỉ: 292/TTB, ấp B, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ngân hàng có mặt, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/6/2019; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các tài liệu có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S trình bày:

Vào ngày 30/12/2013, Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh S (nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S) cùng ông Hà Văn G và bà Hà Thị P ký Hợp đồng tín dụng vay vốn số N.A.0578.13.HĐTD để vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất: 12%/năm, mục đích vay: Trồng và mua bán hoa kiểng. Để được vay số tiền trên, ông Hà Văn G và bà Hà Thị P đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0578.13/HĐTC ngày 31/12/2013 như sau:

Giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 785, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.477 m² (đất CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496814 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 cho hộ ông Hà Văn G đứng tên quyền sử dụng đất.

Giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 925, tờ bản đồ số 1, diện tích 592 m² (đất ONT + CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496815 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 cho hộ ông Hà Văn G đứng tên quyền sử dụng đất.

Toàn bộ các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 31/12/2013 và được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã D.

Đến tháng 12/2014, ông G và bà P gặp khó khăn trong kinh doanh, không còn đủ nguồn thu nhập trả nợ gốc đã vay theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn khoản vay trên vào năm 2014. Ngày 11/01/2016 ông Hà Văn G đã trả hết nợ gốc cho Ngân hàng với số tiền là 200.000.000đ nhưng đến nay chưa trả lãi từ ngày 31/12/2013 đến ngày 29/5/2019 là 61.975.608đ (lãi trong hạn là 49.342.274đ, lãi quá hạn là 12.633.334đ).

Nay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung giải quyết buộc ông Hà Văn G và bà Hà Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 61.975.608đ (sáu mươi một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ tám nghìn đồng). Sau khi ông Hà Văn G và bà

Hà Thị P trả nợ xong Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ tài sản mà ông Hà Văn G và bà Hà Thị P đã thế chấp.

Trường hợp ông Hà Văn G và bà Hà Thị P không trả được nợ, hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất 785, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.477 m² (đất CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496814 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 và thửa 925, tờ bản đồ số 1, diện tích 592 m² (đất ONT + CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496815 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 cho hộ ông Hà Văn G đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Sau khi ông G và bà P liên đới trả nợ xong cho Ngân hàng mà tài sản thế chấp không bị phát mại để thi hành án thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho hộ ông G toàn bộ bản chính các giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0578.13/HĐTC ngày 31/12/2013 (ngân hàng đang giữ).

Đối với bị đơn ông Hà Văn G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Văn M đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị P và Lê Hoàng C có nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa vẫn cố tình vắng mặt, nhưng bà P có Tờ tường trình trình bày ý kiến: bà thừa nhận còn nợ lãi ngân hàng 61.975.608đ đến nay chưa trả, do gia đình gặp khó khăn nên bà yêu cầu ngân hàng giảm 50% số tiền lãi bà sẽ trả đủ; Còn ông C (chồng bà P) trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2019, việc bà P, ông G, ông M vay tiền và thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng ông không biết nên ông không có ý kiến gì.

Phát biểu của Viện kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông G và bà P có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi cho ngân hàng là 61.975.608đ. Sau khi ông G và bà P trả nợ xong thì ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ tài sản mà ông G và bà P đã thế chấp tại ngân hàng. Trường hợp ông G và bà P không thanh toán nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi án có hiệu lực.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên thu mức án phí đúng theo quy định (kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên).

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S có đơn khởi kiện ông Hà Văn G và bà Hà Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự, ông G vay vốn mục đích vay bổ sung vốn trồng và mua bán hoa kiểm, đây là vụ án “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự cư trú tại ấp Tân Thuận B, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn Hà Văn G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị P, Lê Văn M và Lê Hoàng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng các đương sự trên cố tình vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S yêu cầu ông Hà Văn G và bà Hà Thị P phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S tiền lãi 61.975.608đ theo Hợp đồng tín dụng vay vốn số N.A.0578.13.HĐTD ngày 30/12/2013 là có cơ sở, bởi lẽ vào ngày 30/12/2013 ông G và bà P có đến Ngân hàng làm thủ tục vay vốn với số tiền 200.000.000đ, được Ngân hàng ký kết tại Hợp đồng tín dụng số N.A.0578.13.HĐTD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0578.13/HĐTC ngày 31/12/2013; Giấy đề nghị vay vốn; Giấy nhận nợ, ông G và bà P tự nguyện ký tên vào các hợp đồng và các cam kết thế chấp trên để vay số tiền 200.000.000đ. Ngân hàng thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng và Ngân hàng đã thanh toán số tiền 200.000.000đ cho ông G và bà P ký nhận vào giấy nhận nợ ngày 31/12/2013 nhưng ông G và bà P không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 11/01/2016 ông

G và bà P trả vốn gốc 200.000.000đ cho ngân hàng, còn tiền lãi đến nay chưa trả nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bị đơn ông Hà Văn G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị P, Hà Văn M và Lê Hoàng C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ các đương sự đã tự từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy ngân hàng chỉ yêu cầu ông G và bà P cùng liên đới trả tiền lãi 61.975.608đ cho ngân hàng nên buộc ông G, bà P có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho Ngân hàng theo Hợp đồng là phù hợp các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp đến hạn mà ông G và bà P không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất 785, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.477 m² (đất CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496814 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 và thửa 925, tờ bản đồ số 1, diện tích 592 m² (đất ONT + CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496815 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 cho hộ ông Hà Văn G đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Sau khi ông G và bà P liên đới trả nợ xong cho Ngân hàng mà tài sản thế chấp không bị phát mại để thi hành án thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho hộ ông G toàn bộ bản chính các giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0578.13/HĐTC ngày 31/12/2013 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn M, ông Lê Hoàng C mặc dù là thành viên trong hộ ông Hà Văn G nhưng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S không yêu cầu ông Hà Văn M có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông Hà Văn G và bà Hà Thị P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Bị đơn ông Hà Văn G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.098.780đồng (ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 103, 117, 119, 463 và 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S.

Buộc ông Hà Văn G và bà Hà Thị P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S số tiền 61.975.608đ (sáu mươi một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp đến hạn mà ông Hà Văn G và bà Hà Thị P không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất 785, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.477 m² (đất CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496814 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 và thửa 925, tờ bản đồ số 1, diện tích 592 m² (đất ONT + CLN), đất tọa lạc tại xã D, theo giấy chứng nhận số AM 496815 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/8/2008 cho hộ ông Hà Văn G đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Sau khi ông Hà Văn G và bà Hà Thị P liên đới trả nợ xong cho Ngân hàng mà tài sản thế chấp không bị phát mại để thi hành án thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho họ ông Hà Văn G toàn bộ bản chính các giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0578.13/HĐTC ngày 31/12/2013.

Về án phí; Tạm ứng án phí:

Ông Hà Văn G và bà Hà Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.099.000 đồng (ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001728, ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2020). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh, huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Cẩm Hồng